

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
cho năm tài chính 2012

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	05 - 06
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	07 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11- 37

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2012 đã được kiểm toán.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tên giao dịch quốc tế là Hong Ha Petroleum Joint Stock Company, tên viết tắt là HongHa Petroleum.,JSC, tiền thân là Công ty thuộc Công đoàn xây dựng Việt Nam, được giao cho Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng quản lý theo Quyết định số 1361/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ngày 4 tháng 11 năm 1999. Sau đó Công ty Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà được chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2076/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2004 của Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Xây dựng Hồng Hà thuộc Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng thành Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103006903 ngày 14/03/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười hai ngày 29/12/2010 thì: Vốn Điều lệ của Công ty là **200.000.000.000 VND** (Hai trăm tỷ đồng Việt Nam).

Ngày 17/3/2010, cổ phiếu của Công ty đã niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán PHH:

Danh sách cổ đông sáng lập

STT	Tên cổ đông sáng lập	Nơi đăng ký hội khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Tổng Công ty Sông Hồng		(*)	
2	Lê Hoàng Anh	Số 5 ngách 12/2 Nguyễn Phúc Lai, Quận Đống Đa, Hà Nội.	257.100	34,70%
3	Hoàng Quốc Huy	20 ngách 165/4 Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội	187.960	25,37%
4	Đoàn Thị Bích Hà	Nhà 6C – P4 Nam Đồng, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội	131.100	17,69%
5	Nguyễn Hải Sơn	42B Hàng Cót, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	1.200	0,16%
6	Lê Quang Việt	422/18 Hồ Văn Huê, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh	146.400	19,76%
7	Lê Phong	Số 5, Hàng Bún, phường Nguyễn Trung Trực, quận Ba Đình, Hà Nội	17.200	2,32%
	Cộng		740.960	100,00%

(*) Đã chuyển nhượng cổ phần

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Chuẩn bị mặt bằng; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Đúc kim loại màu; Đúc sắt thép; Sản xuất sắt, thép, gang; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt: quặng bôxít, nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc, mangan, krôm, niken, coban, molybden, tantali, vanadi (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Khai thác quặng sắt; Hoạt động thăm dò nguồn nước; Khảo sát địa chất, trắc địa công trình;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- + Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ môi giới bất động sản;
- + Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ đấu giá bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản.
- Tư vấn đấu thầu;
- Kiểm định chất lượng công trình, thẩm tra thiết kế và tổng dự toán công trình (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách du lịch bằng xe ô tô;
- Gia công cơ khí, lắp đặt, bảo hành, bảo trì, sửa chữa, bảo dưỡng các loại máy móc, thiết bị xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Sản xuất, mua bán, cho thuê các loại máy móc thiết bị xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế quy hoạch chung, vùng, chi tiết đối với các khu đô thị;
- Tư vấn đầu tư, thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc, vật tư, thiết bị;
- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp, bất động sản, cho thuê nhà văn phòng, dịch vụ khách sạn, đưa đón khách du lịch;
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, ký gửi hàng hóa; Gia công cơ khí và lắp đặt kết cấu kim loại, gia công chế biến gỗ, trang trí nội ngoại thất;
- Thi công lắp đặt thiết bị chuyên dùng cấp, thoát nước, thang máy, hệ thống điện lạnh, điện máy, thông tin, xử lý môi trường trong các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện đến 110 KV, các công trình ngầm, xử lý nền
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi (cầu, đường, bến cảng, đê, đập, kè, kênh mương).

Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 206A, đường Nguyễn Trãi - Từ Liêm - Hà Nội
- Địa chỉ giao dịch hiện tại: K3B Thành Công - Ba Đình - Hà Nội
- Tel: (84-4) 35 540 845 Fax: (84-4) 35 540 847

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2012 và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất gồm:

Hội đồng quản trị

- | | |
|-------------------------|--------------|
| - Ông Lê Hoàng Anh | Chủ tịch |
| - Ông Hoàng Quốc Huy | Phó Chủ tịch |
| - Bà Đoàn Thị Bích Hà | Ủy viên |
| - Ông Trịnh Thanh Giảng | Ủy viên |
| - Ông Trần Văn Long | Ủy viên |

Ban Giám đốc

- | | |
|-------------------------|--|
| - Ông Lê Hoàng Anh | Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 02/08/2012) |
| - Ông Hoàng Quốc Huy | Phó Tổng giám đốc |
| - Bà Đoàn Thị Bích Hà | Phó Tổng giám đốc |
| - Ông Huỳnh Thanh Quyết | Phó Tổng giám đốc |
| - Ông Trần Văn Long | Phó Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 25/12/2012) |
| - Ông Phạm Vinh Hiền | Phó Tổng giám đốc |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Bà Lê Hoài Thu

Kế toán trưởng

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100109674 thay đổi lần thứ 13 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 16 tháng 01 năm 2013 thì Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí đổi tên thành Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam. Do đó, Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012 được đóng dấu bởi Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam.

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2012.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2012 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ

Lê Hoàng Anh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2013

Số : -13/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2012
của Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2012 được lập ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (sau đây gọi tắt là 'Công ty') từ trang 07 đến trang 37 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 04, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính 2012:

- a, Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và
- b, Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

Tuy nhiên, chúng tôi xin lưu ý tới người đọc báo cáo tài chính:

- Như đã thuyết minh tại mục 11.1 Phần IV của Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại thời điểm 31/12/2012, Công ty chỉ thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản nợ gốc cho Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào vay đã quá hạn thanh toán mà chưa thực hiện trích lập dự phòng cho khoản lãi cho vay phải thu đã quá hạn thanh toán. Đồng thời, Công ty chưa ghi nhận khoản lãi cho vay phát sinh tháng 1 năm 2012 đối với khoản cho vay nêu trên vào kết quả kinh doanh năm 2012 của Công ty.
- Công ty chưa thực hiện đánh giá khoản dự phòng cần thiết nếu có liên quan đến các khoản đầu tư dài hạn khác. Tại thời điểm kiểm toán, chúng tôi chưa được cung cấp báo cáo tài chính của các Công ty nhận đầu tư nêu trên nên không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán khác để xác định có cần thiết phải lập dự phòng hoặc lượng hóa khoản dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn đối với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính 2012.

Báo cáo kiểm toán được lập thành mười một (11) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí giữ 10 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

Phạm Hùng Sơn

Phó Tổng giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0813/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Ngô Đức Hưng

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1786/KTV

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		578.838.607.768	724.591.962.731
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	98.468.525.759	75.501.372.873
1 Tiền	111		73.468.525.759	55.501.372.873
2 Các khoản tương đương tiền	112		25.000.000.000	20.000.000.000
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.000.000.000	4.000.000.000
1 Đầu tư ngắn hạn	121	V.2.	2.000.000.000	4.000.000.000
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		250.766.596.201	358.395.051.743
1 Phải thu của khách hàng	131		152.381.911.996	202.830.659.887
2 Trả trước cho người bán	132		26.435.510.872	53.750.316.226
5 Các khoản phải thu khác	135	V.3.	88.449.173.333	101.814.075.630
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(16.500.000.000)	-
IV Hàng tồn kho	140	V.4.	212.656.581.078	271.032.370.209
1 Hàng tồn kho	141		212.656.581.078	271.032.370.209
V Tài sản ngắn hạn khác	150		14.946.904.730	15.663.167.906
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		250.554.227	39.720.463
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.582.458.024	6.546.583.017
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5.	2.492.821.309	1.683.818.294
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.1.	6.621.071.170	7.393.046.132
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260+269)	200		244.904.762.521	253.519.375.972
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		100.741.530.905	99.615.693.784
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.6.	23.978.712.578	22.011.500.720
- Nguyên giá	222		41.932.952.565	48.085.342.476
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.954.239.987)	(26.073.841.756)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.7.	881.367.500	1.372.843.100
- Nguyên giá	228		881.367.500	1.372.843.100
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8.	75.881.450.827	76.231.349.964
III Bất động sản đầu tư	240	V.9.	919.092.000	900.000.000
- Nguyên giá	241		919.092.000	900.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		108.523.000.000	107.223.000.000
1 Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		25.300.000.000	24.000.000.000
3 Đầu tư dài hạn khác	258	V.10.	83.223.000.000	83.223.000.000
V Tài sản dài hạn khác	260		3.046.139.616	3.023.840.188
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11.	2.656.139.616	3.015.936.523
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	7.903.665
3. Tài sản dài hạn khác	268		390.000.000	-
VI Lợi thế thương mại	269	VIII.2.	31.675.000.000	42.756.842.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200+269)	270		823.743.370.289	978.111.338.703

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		511.681.254.885	687.581.348.543
I Nợ ngắn hạn	310		507.818.045.845	579.842.637.281
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12.	93.505.541.711	127.786.187.705
2 Phải trả người bán	312		247.783.969.411	275.879.615.331
3 Người mua trả tiền trước	313		124.218.347.589	84.117.493.000
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13.	7.875.119.610	10.257.228.756
5 Phải trả người lao động	315		272.886.802	818.049.066
6 Chi phí phải trả	316	V.14.	13.386.734.685	64.072.704.261
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.15.	15.495.850.175	13.292.440.554
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.279.595.862	3.618.918.608
II Nợ dài hạn	330		3.863.209.040	107.738.711.262
1 Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.16.	3.863.209.040	107.726.418.080
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
8 Doanh thu chưa thực hiện	338	V.17.	-	12.293.182
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		252.047.564.890	247.124.907.427
I Vốn chủ sở hữu	410	V.18.	252.047.564.890	247.124.907.427
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		59.696.774.500	59.696.774.500
4 Cổ phiếu quỹ	414		(20.556.210.837)	(20.556.210.837)
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		15.979.727.736	10.703.477.736
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		3.255.400.000	2.270.337.644
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		4.082.251.900	4.082.251.900
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(10.410.378.409)	(9.071.723.516)
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1 Nguồn kinh phí	432		-	-
C LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		60.014.550.514	43.405.082.733
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		823.743.370.289	978.111.338.703

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Hải Yến

Lê Hoài Thu

Lê Hoàng Anh

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG DOANH KINH HỢP NHẤT
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm 2012	Năm 2011
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.19.	800.945.256.325	719.316.073.132
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.20.	-	22.422.920.000
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.21.	800.945.256.325	696.893.153.132
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.22.	743.060.292.425	643.862.808.063
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		57.884.963.900	53.030.345.069
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.23.	26.183.552.314	20.969.403.231
7 Chi phí tài chính	22	VI.24.	26.121.923.090	33.141.202.590
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>26.121.923.090</i>	<i>15.133.313.702</i>
8 Chi phí bán hàng	24	VIII.3.	4.900.000	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.4.	53.973.127.797	41.604.607.361
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		3.968.565.327	(746.061.651)
11 Thu nhập khác	31	VIII.5.	645.575.098	1.628.320.030
12 Chi phí khác	32	VIII.6.	2.106.017.522	1.073.649.856
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(1.460.442.424)	554.670.174
14 Lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		2.508.122.903	(191.391.477)
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1.325.698.604	4.906.546.073
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	(7.903.665)
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.182.424.299	(5.090.033.885)
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		857.907.984	447.098.673
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		324.516.315	(5.537.132.558)
19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.26.	18	(294)

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Hải Yến

Lê Hoài Thu

Lê Hoàng Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm 2012	Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ & doanh thu khác	01		1.239.513.496.951	1.102.687.498.126
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá & dịch vụ	02		(1.037.657.517.597)	(1.069.942.245.877)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03		(96.694.561.923)	(33.840.756.755)
4 Tiền chi trả lãi vay	04		(26.121.923.090)	(33.511.443.990)
5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.163.558.637)	(12.229.953.263)
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		214.717.904.793	47.363.962.528
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(253.745.399.349)	(78.840.399.285)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		38.848.441.148	(78.313.338.516)
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ & các TS dài hạn	21		(6.376.503.179)	(16.735.671.713)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các TS dài hạn	22		519.700.909	1.295.573.887
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(86.994.333.334)	(196.500.000.000)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		93.754.333.334	246.740.000.000
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(1.300.000.000)	(42.215.270.000)
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		120.541.780.000	22.793.000.000
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.011.996.042	9.394.417.651
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		122.156.973.772	24.772.049.825
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2 Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32		-	(20.526.195.456)
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn đã nhận được	33		331.053.174.650	199.038.008.863
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(468.847.029.684)	(165.458.450.347)
5 Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(244.407.000)	(14.123.632.720)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(138.038.262.034)	(1.070.269.660)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		22.967.152.886	(54.611.558.351)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		75.501.372.873	130.112.931.224
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.1.	98.468.525.759	75.501.372.873

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Hải Yến

Lê Hoài Thu

Lê Hoàng Anh

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2012
(tiếp theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tên giao dịch quốc tế là Hong Ha Petroleum Joint Stock Company, tên viết tắt là HongHa Petroleum.,JSC, tiền thân là Công ty thuộc Công đoàn xây dựng Việt Nam, được giao cho Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng quản lý theo Quyết định số 1361/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ngày 4 tháng 11 năm 1999. Sau đó Công ty Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà được chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2076/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2004 của Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Xây dựng Hồng Hà thuộc Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng thành Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103006903 ngày 14/03/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười hai ngày 29/12/2010 thì: Vốn Điều lệ của Công ty là **200.000.000.000 VND** (Hai trăm tỷ đồng Việt Nam).

Ngày 17/3/2010, cổ phiếu của Công ty đã niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán PHH:

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp

3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Chuẩn bị mặt bằng; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Đúc kim loại màu; Đúc sắt thép; Sản xuất sắt, thép, gang; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt: quặng bôxít, nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc, mangan, krôm, niken, coban, molybden, tantali, vanadi (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Khai thác quặng sắt; Hoạt động thăm dò nguồn nước; Khảo sát địa chất, trắc địa công trình;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản:
 - + Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ môi giới bất động sản;
 - + Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ đấu giá bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản.
- Tư vấn đầu thầu;
- Kiểm định chất lượng công trình, thẩm tra thiết kế và tổng dự toán công trình (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách du lịch bằng xe ô tô;
- Gia công cơ khí, lắp đặt, bảo hành, bảo trì, sửa chữa, bảo dưỡng các loại máy móc, thiết bị xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Sản xuất, mua bán, cho thuê các loại máy móc thiết bị xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế quy hoạch chung, vùng, chi tiết đối với các khu đô thị;
- Tư vấn đầu tư, thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc, vật tư, thiết bị;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

(tiếp theo)

- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp, bất động sản, cho thuê nhà văn phòng, dịch vụ khách sạn, đưa đón khách du lịch;
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, ký gửi hàng hóa; Gia công cơ khí và lắp đặt kết cấu kim loại, gia công chế biến gỗ, trang trí nội ngoại thất;
- Thi công lắp đặt thiết bị chuyên dùng cấp, thoát nước, thang máy, hệ thống điện lạnh, điện máy, thông tin, xử lý môi trường trong các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện đến 110 KV, các công trình ngầm, xử lý nền móng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi (cầu, đường, bến cảng, đê, đập, kè, kênh mương).

Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 206A, đường Nguyễn Trãi - Từ Liêm - Hà Nội
- Địa chỉ giao dịch hiện tại: K3B Thành Công - Ba Đình - Hà Nội
- Tel: (84-4) 35 540 845 Fax: (84-4) 35 540 847

4. Danh sách các Công ty con được thực hiện hợp nhất

- Tổng số các Công ty con: 04 Công ty
- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 04 Công ty.
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0 Công ty
- Danh sách các Công ty con được hợp nhất:

1. Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà số 1

- Địa chỉ: 206A Nguyễn Trãi - Trung Văn - Từ Liêm - Hà Nội
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 75,50%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 75,50%

2. Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí

- Địa chỉ: Tầng 3 Nhà C, 125 Hoàng Văn Thái, Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 58,26%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 58,26%

3. Công ty Cổ phần Hồng Hà Sài Gòn

- Địa chỉ: 96/108 Đường Trục, phường 13, Q. Bình Thạnh, HCM.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 87,50%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 87,50%

4. Công ty Cổ phần sản xuất Cửa Hoa Kỳ

- Địa chỉ: Cụm công nghiệp thực phẩm Hapro, Lê Chi, Gia Lâm, Hà Nội.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 53,97%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 53,97%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Năm 2012**

(tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn tại Công ty CP Tư vấn Thiết kế Hồng Hà Dầu khí cho ông Nguyễn Thanh Đức theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 16/2012/HĐ-CNCP ngày 26/6/2012 (số cổ phần 20.000 CP, giá trị 200.000.000 VND) và ông Đào Huy Tùng theo hợp đồng chuyển nhượng số 15/2012/HĐ-CNCP ngày 26/6/2012 (số cổ phần 82.000 CP, giá trị 820.000.000 VND); chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ tại Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công theo hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ số 01/2012/HHTC-HĐCNV ngày 4/3/2012 cho Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (Số vốn điều lệ chuyển nhượng 110 tỷ đồng, giá trị chuyển nhượng 125 tỷ đồng); Giải thể Công ty con là Công ty TNHH MTV Hồng Hà Hà Nội kể từ ngày 01/10/2012 (trước kia là Công ty Cổ phần Hồng Hà Hà Nội).

5. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh vào trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**Công ty Cổ phần Sông Đáy - Hồng Hà Dầu khí**

- Địa chỉ: Số 102 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội

- Tỷ lệ phần sở hữu: 43,43%

- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 43,43%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất****Đầu tư vào Công ty con**

Các công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát được hiểu là khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trực tiếp tại một công ty hoặc có khả năng trực tiếp chi phối các chính sách tài chính hay hoạt động của một đơn vị để thu được các lợi ích kinh tế từ hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của các Công ty mà Công ty nắm giữ cổ phần chi phối tại ngày 31/12/2012. Các nghiệp vụ luân chuyển nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty với các Công ty con và giữa các công ty con với nhau đã được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất, được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm: giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định và trình bày riêng biệt trong mục "Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số". Lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các Công ty con.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Năm 2012***(tiếp theo)***Đầu tư vào Công ty liên kết**

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của Công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

Trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi (lỗ) chưa thực hiện tương ứng với phần vốn góp của Công ty liên kết chưa được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp".

Áp dụng hướng dẫn kế toán

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 tại thuyết minh số V.27.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

4. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán EASY Accounting.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2012
(tiếp theo)

- **Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Phương pháp thực tế đích danh
- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho :** Phương pháp kê khai thường xuyên.
- **Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Tại thời điểm 31/12/2012, Công ty không có hàng tồn kho cần phải trích lập dự phòng giảm giá.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

3.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định".

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao <năm></u>
- Nhà cửa vật kiến trúc	15
- Máy móc, thiết bị	2-7
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	5-10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5

3.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất tại KDC Vĩnh Phú 1, phường Vĩnh Phú, TX Thuận An, Bình Dương do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá, được ghi nhận theo nguyên giá, phản ánh trên bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp hình thành bất động sản đầu tư.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty là Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội.

Đầu tư dài hạn khác là khoản đầu tư mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh và góp vốn vào Công ty TNHH ChacKKaPhanh MiNing Group và Công ty Cổ phần Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào, được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày đầu tư.

Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 12/2012/HHDK-BBHĐQT ngày 28/12/2012 thì Công ty TNHH ChacKKaPhanh MiNing Group và Công ty Cổ phần Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào đang trong quá trình đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và dự kiến sẽ đi vào hoạt động trong năm 2013.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Năm 2012**

(tiếp theo)

Các chi phí đi vay phục vụ cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy theo đúng điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 – Chi phí đi vay.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ bao gồm giá trị lợi thế kinh doanh, giá trị lợi thế vị trí địa lý, giá trị thương hiệu và chi phí máy móc thiết bị văn phòng... có thời gian phân bổ từ 12 - 24 tháng.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu được mua lại do chính Công ty phát hành không nhằm mục đích để bán và được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Khoản cổ phiếu mà công ty con mua lại của Công ty mẹ được trình bày là khoản Cổ phiếu quỹ.

Đợt 1: Theo Nghị quyết 01-1/2011/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 25/01/2011 Công ty thực hiện mua cổ phiếu quỹ với số lượng 1.500.000 cổ phiếu và thời điểm thực hiện từ ngày 08/02/2011 đến 31/03/2011 và thông báo chấp thuận của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 29/02/2011. Kết quả của đợt mua lại cổ phiếu quỹ Công ty đã mua lại 1.000.000 cổ phiếu với tổng giá trị 13.729.670.000 VND.

Đợt 2: Theo Nghị quyết 05-2/2011/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 21/04/2011 Công ty thực hiện mua cổ phiếu quỹ với số lượng 1.500.000 cổ phiếu và thời điểm thực hiện từ ngày 06/05/2011 đến 06/07/2011. Kết quả của đợt mua lại cổ phiếu quỹ Công ty đã mua lại 786.000 cổ phiếu với tổng giá trị 6.826.540.837 VND.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu xây lắp, cho thuê máy móc thiết bị và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

- Doanh thu xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hoá đơn GTGT, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 15 - “Hợp đồng xây dựng”.
- Doanh thu cho thuê máy móc thiết bị được xác định theo thời gian cho thuê thực tế, hóa đơn tài chính đã xuất cho khách hàng và biên bản nghiệm thu thanh lý, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - “Doanh thu và thu nhập khác”.
- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - “Doanh thu và thu nhập khác”.
- Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2012
(tiếp theo)

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, sau khi đã trừ đi phần chi phí lãi vay được vốn hóa và chi phí tài chính báo nợ xuống các chi nhánh, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

11. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

11.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Riêng, khoản phải thu khác của Công ty Cổ phần kinh doanh Tổng hợp Việt Lào tại thời điểm 31/12/2012 là khoản cho Công ty Cổ phần Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào vay theo hợp đồng vay vốn số 01/2009/VL-HHDK được ký kết giữa Công ty CP Hồng Hà Dầu khí với Công ty Cổ phần kinh doanh Tổng hợp Việt Lào với thời hạn cho vay từ ngày 31/1/2010 đến ngày 31/01/2012 với lãi suất thời điểm tính bằng mức trung bình lãi suất cho vay tổ chức của bốn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà nước tương ứng tại thời điểm chốt lãi trừ đi 1%/năm. (Trong đó: nợ gốc cho vay là 55 tỷ đồng; lãi vay phát sinh từ ngày 31/1/2010 đến ngày 31/12/2011 là 6.025.555.900 VND). Tuy nhiên, do Công ty Cổ phần Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào chưa thanh toán nợ gốc và lãi vay nêu trên nên Công ty chưa thực hiện tính lãi vay của tháng 1 năm 2012 theo thời hạn cho vay trong hợp đồng và chưa thực hiện trích lập dự phòng trên số tiền lãi phải thu của Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào mà chỉ thực hiện trích lập dự phòng bằng 30% số tiền nợ gốc cho vay đã quá hạn thanh toán 11 tháng với giá trị là 16.500.000.000 VND.

11.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hay bất kỳ mục đích nào được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

11.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn, khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội nhằm mục đích mua sắm tài sản cố định, khoản vay qua phát hành trái phiếu của Công ty nhằm mục đích bổ sung vốn kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2012
(tiếp theo)

11.4 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT là 10% đối với các hoạt động xây lắp và hoạt động khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

11.5 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn của Công ty gồm: Giá vốn hoạt động xây lắp, cho thuê thiết bị và giá vốn bán Vật tư.

- Giá vốn của hoạt động xây lắp được xác định theo chi phí thực tế của từng công trình phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.
- Giá vốn cho thuê máy móc thiết bị là chi phí khấu hao và các chi phí khác phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	389.217.806	737.018.137
Tiền gửi ngân hàng	73.079.307.953	54.764.354.736
<i>Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí</i>	66.573.009.631	47.009.570.269
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN tây Hà Nội	23.873.498.822	27.076.207.709
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân	42.699.510.809	19.933.070.520
Ngân hàng Quân đội - Tài khoản phong tỏa	-	10.197
Ngân hàng Techcombank - Chi nhánh Hai Bà Trưng	-	281.843
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà số 1</i>	5.208.266.611	2.974.984.828
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	5.058.464.761	2.942.392.485
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội	149.801.850	32.592.343
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Hồng Hà Dầu khí</i>	-	30.621.141
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	-	30.621.141
<i>Công ty CP Tư Hiệp Hồng Hà Dầu khí</i>	31.110.118	1.009.465.956
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - CN Thanh Xuân	31.110.118	1.009.465.956

Mẫu B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2012
(tiếp theo)

Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	-	1.898.620.182
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - CN Thanh Xuân	-	1.898.620.182
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	-	1.245.904.736
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Thanh Xuân	-	1.245.904.736
Công ty CP sản xuất Cửa Hoa Kỳ	28.029.254	109.600.604
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - CN Thanh Xuân	27.543.597	981.068
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - CN Hoàn Kiếm	485.657	108.619.536
Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn	1.238.892.339	485.587.020
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	1.238.892.339	485.587.020
Các khoản tương đương tiền	25.000.000.000	20.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	25.000.000.000	20.000.000.000
Tổng cộng	98.468.525.759	75.501.372.873
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ủy thác quản lý vốn Công ty Tài chính CP Điện lực	2.000.000.000	4.000.000.000
Tổng cộng	2.000.000.000	4.000.000.000
3. Các khoản phải thu khác	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí	83.463.997.196	99.345.777.732
Công ty Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào (i)	61.025.555.900	61.025.555.900
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Thương mại Việt Hàn (ii)	3.295.861.000	15.676.000.000
Công ty TNHH Phong Thịnh (iii)	11.347.160.000	11.347.160.000
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam (iv)	3.436.929.990	3.436.929.990
Đối tượng khác	4.358.490.306	7.860.131.842
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà số 1	751.347.328	381.258.863
Thuế thu nhập cá nhân	94.342.841	93.803.240
Bảo hiểm xã hội	18.284.524	45.742.681
Bảo hiểm y tế	10.656.172	30.279.577
Phải thu khác	628.063.791	211.433.365
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Hồng Hà Dầu khí	-	15.257.257
Bảo hiểm y tế	-	13.598.809
Phải thu khác	-	1.658.448
Công ty CP Tư Hiệp Hồng Hà Dầu khí	2.265.082.777	428.507.276
Công ty TNHH Knight Frank Việt Nam	-	390.000.000
Các khoản phải thu khác	2.265.082.777	38.507.276
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	-	1.431.986.193
Tiền phạt thuế	-	216.054.235
BHXH, BHYT, KPCĐ	-	53.908.582
Nguyễn Văn Tịnh	-	175.000.000

Mẫu B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

(tiếp theo)

Nguyễn Thu Nga	-	217.089.361
Ông Trưởng	-	229.378.753
Phạm Khắc Xương	-	169.807.840
Nguyễn Phúc Thịnh	-	51.000.000
Đối tượng khác	-	319.747.422
Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn	1.927.600	24.393.293
Phải thu BHXH	1.927.600	24.366.493
Phải thu khác	-	26.800
Công ty CP sản xuất Cửa Hoa Kỳ	1.966.818.432	18.300.000
Thưởng nhân viên, quà ngày tết cho con em CBCNV	10.500.000	17.300.000
Chi phí ủng hộ	-	1.000.000
Đối tượng khác	1.956.318.432	-
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	-	168.595.016
Công ty Cổ phần Dịch vụ & Du lịch Mặt Trời Việt	-	146.300.000
Các đối tượng khác	-	22.295.016
Tổng cộng	88.449.173.333	101.814.075.630

(i) Là khoản cho Công ty Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào vay theo hợp đồng cho vay vốn số 01/2009/VL-HHDK với thời hạn vay từ ngày 31/01/2010 đến ngày 31/01/2012. Trong đó nợ gốc là 55.000.000.000 VND và nợ lãi vay là 6.025.555.900 VND.

(ii) Là khoản thu gốc và lãi khoản đầu tư theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 02/2011 ngày 30/06/2011 thời hạn thanh toán sau 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng chia thành 03 lần. Hết thời hạn thanh toán lần 3, khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả không quá 30 ngày, mức lãi suất áp dụng là lãi suất quá hạn cho Doanh nghiệp vay thời hạn 12 tháng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội tại thời điểm trả lãi.

(iii) Là khoản đặt cọc giá trị hợp đồng Dây truyền tuyến nổi quặng đồng cho Công ty TNHH Phong Thịnh số 09/2010 ngày 08/09/2010; Phụ lục hợp đồng ngày 22/02/2011; Phụ lục hợp đồng 02 ngày 22/03/2011, chưa được thực hiện theo tiến độ ghi trong hợp đồng (nhà máy đặt tại bản Poonglak, huyện Kası, tỉnh Viêng Chăn, nước Cộng hòa DCND Lào).

(iv) Là phần lợi nhuận cố định phải chia theo hợp đồng của dự án Nguyễn An Ninh - Vũng Tàu theo hợp đồng số 122/2009 ngày 02/06/2009.

4. Hàng tồn kho	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	60.728.338	7.759.129.348
Công cụ, dụng cụ	17.142.136	3.475.238
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	212.578.710.604	262.365.463.082
Hàng hóa	-	904.302.541
Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho	212.656.581.078	271.032.370.209

(i) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty tại ngày 31/12/2012 là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang các công trình: Bệnh viện đa khoa Đồng Nai; Chung cư cao tầng CT9 Văn Phú; Bệnh viện K - Cơ sở Tân Triều;...

5. Thuế và các khoản Phải thu Nhà nước	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	2.492.821.309	1.683.818.294
Tổng cộng	2.492.821.309	1.683.818.294

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

(tiếp theo)

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2012	4.313.652.706	35.066.612.583	8.067.351.643	637.725.544	48.085.342.476
Mua trong năm	1.259.799.091	4.469.614.002	22.060.000	61.160.909	5.812.634.002
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Tăng khác	1.669.344.193	-	-	-	1.669.344.193
Thanh lý, nhượng bán	-	(244.453.000)	(120.078.500)	(92.298.156)	(456.829.656)
Giảm khác	(2.124.135.330)	(10.787.732.930)	(191.181.554)	(74.488.636)	(13.177.538.450)
Số dư ngày 31/12/2012	5.118.660.660	28.504.040.655	7.778.151.589	532.099.661	41.932.952.565
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2012	2.189.414.644	19.861.255.265	3.579.752.842	443.419.005	26.073.841.756
Khấu hao trong năm	472.391.415	6.163.177.964	1.220.218.385	136.234.864	7.992.022.628
Tăng khác	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(131.522.172)	(52.578.500)	(142.836.792)	(326.937.464)
Giảm khác	(1.102.588.479)	(14.477.091.448)	(191.186.173)	(13.820.833)	(15.784.686.933)
Số dư ngày 31/12/2012	1.559.217.580	11.415.819.609	4.556.206.554	422.996.244	17.954.239.987
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2012	2.124.238.062	15.205.357.318	4.487.598.801	194.306.539	22.011.500.720
Tại ngày 31/12/2012	3.559.443.080	17.088.221.046	3.221.945.035	109.103.417	23.978.712.578

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 697.839.765 VND;

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 880.049.194 VND;

Mẫu B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2012
(tiếp theo)

7. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VND	
	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2012	1.372.843.100	1.372.843.100
Mua trong năm	-	-
Tăng khác	-	-
Giảm khác	(491.475.600)	(491.475.600)
Số dư ngày 31/12/2012	881.367.500	881.367.500
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2012	-	-
Khấu hao trong năm	-	-
Tăng khác	-	-
Giảm khác	-	-
Số dư ngày 31/12/2012	-	-
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2012	1.372.843.100	1.372.843.100
Tại ngày 31/12/2012	881.367.500	881.367.500

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Cao ốc VP 407 Nguyễn An Ninh	2.111.211.763	1.499.889.877
Dự án khu đô thị mới Tứ Hiệp	73.770.239.064	57.955.906.719
Công trình nhà văn phòng K3 Thành Công	-	15.106.209.175
Xây dựng Nhà máy	-	1.669.344.193
Tổng cộng	75.881.450.827	76.231.349.964

9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2012	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2012
Nguyên giá BĐS đầu tư	900.000.000	19.092.000	-	919.092.000
Quyền sử dụng đất	900.000.000	19.092.000	-	919.092.000
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Giá trị còn lại của BĐS đầu tư	900.000.000	19.092.000	-	919.092.000
Quyền sử dụng đất	900.000.000	19.092.000	-	919.092.000

10. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VND)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VND)
Đầu tư dài hạn khác		83.223.000.000		83.223.000.000

Mẫu B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

(tiếp theo)

	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh				
Công ty ChacKKaPhanh MiNing Group	-	77.022.500.000	-	77.022.500.000
Công ty Cổ phần kinh doanh Tổng hợp Việt Lào	-	4.200.500.000	-	4.200.500.000
Tổng cộng		83.223.000.000		83.223.000.000
11. Chi phí trả trước dài hạn		31/12/2012		01/01/2012
		VND		VND
<i>Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí</i>		890.282.182		5.282.728
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ		890.282.182		5.282.728
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà số 1</i>		161.918.067		136.053.065
Chi phí thuê văn phòng		136.053.067		136.053.065
Chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng văn phòng		25.865.000		-
<i>Công ty CP Tư vấn Thiết kế Hồng Hà Dầu khí</i>		-		48.794.972
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ		-		8.584.288
Chi phí sửa chữa văn phòng tại CC5A		-		40.210.684
<i>Công ty CP Tư Hiệp Hồng Hà Dầu khí</i>		197.092.025		153.806.235
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ		197.092.025		153.806.235
<i>Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn</i>		115.365.209		1.373.904.628
Công cụ, dụng cụ		70.782.082		165.646.997
Chi phí khác		44.583.127		1.208.257.631
<i>Công ty CP Hồng Hà Hà Nội</i>		-		287.160.014
Chi phí thuê văn phòng		-		78.000.000
Chi phí thuê kho		-		45.144.000
Công cụ dụng cụ		-		164.016.014
<i>Công ty CP sản xuất Cửa Hoa Kỳ</i>		1.291.482.133		1.010.934.881
Chi phí thuê văn phòng, khác		1.102.084.772		1.010.934.881
Công cụ, dụng cụ		189.397.361		-
Tổng cộng		2.656.139.616		3.015.936.523
12. Vay và nợ ngắn hạn		31/12/2012		01/01/2012
		VND		VND
Vay ngắn hạn		93.505.541.711		127.786.187.705
<i>Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí</i>		81.455.982.816		117.666.648.144
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - CN Thanh Xuân (i)		12.882.081.514		36.755.513.724
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN tây Hà Nội (ii)		68.573.901.302		80.911.134.420

Mẫu B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2012
(tiếp theo)

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà số 1	2.535.626.800	10.119.539.561
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (iii)	2.535.626.800	10.119.539.561
Công ty CP sản xuất Cửa Hoa Kỳ	239.650.000	-
Nguyễn Thúy Hoàn	39.650.000	-
Nguyễn Thúy Nga	200.000.000	-
Công ty CP Hồng Hà Sài Gòn	9.274.282.095	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	9.274.282.095	-
Tổng cộng	93.505.541.711	127.786.187.705

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo thông báo hạn mức tín dụng số 813/TB-MB-TXU ngày 28/08/2012 lãi suất được quy định ở từng lần nhận nợ tại thời điểm giải ngân, thời hạn cho vay: tối đa 09 tháng/khế ước.

(ii) Khoản vay Ngân hàng Công thương Việt Nam theo thông báo cấp giới hạn tín dụng ngày 10 tháng 09 năm 2012, hạn mức vay ngắn hạn là 100.000.000.000 đồng, thời hạn duy trì hạn mức là 30/06/2013, lãi suất được quy định từng lần nhận nợ tại thời điểm giải ngân.

(iii) Vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 04.09.003.44541.TD ngày 12/06/2009 quy định các điều khoản chung và Các hợp đồng hạn mức tín dụng ký với từng công trình. Doanh số cho vay, giới hạn tối đa từng lần giải ngân, thời hạn trả nợ, lãi suất cho vay, tài sản đảm bảo được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.990.610.186	9.707.594.171
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	677.945.913	319.148.378
Thuế Thu nhập cá nhân	206.563.511	230.486.207
Tổng cộng	7.875.119.610	10.257.228.756
14. Chi phí phải trả	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Trích trước chi phí các công trình	13.386.734.685	64.072.704.261
Tổng cộng	13.386.734.685	64.072.704.261
15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí	14.041.060.844	4.314.065.836
Cổ tức phải trả	7.961.455.000	775.262.000
Công ty Xây dựng và Kinh doanh Nhà Kim Sơn	390.000.000	390.000.000
Phải trả khác	5.689.605.844	3.148.803.836
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà số 1	369.594.268	233.212.183
Kinh phí công đoàn	46.784.332	35.656.000
Phải trả khác	322.809.936	197.556.183
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Hồng Hà Dầu khí	-	42.638.448
Bảo hiểm xã hội	-	1.130.198
Phải trả phải nộp khác	-	41.508.250

Mẫu B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2012
(tiếp theo)

Công ty Cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	17.150.000	17.150.000
Phải trả khác	17.150.000	17.150.000
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	-	7.599.146.947
Vũ Kim Dung	-	52.862.758
Trần Giang	-	18.000.000
Trần Văn Hùng	-	14.906.140
Phạm Thanh Sơn	-	344.866.436
Ban dự án	-	1.307.460.126
Công ty CP Thanh Phong- Chi nhánh Sơn La	-	3.463.336.976
Xí nghiệp Xây dựng Công trình	-	2.322.504.852
Phải trả phải nộp khác	-	75.209.659
Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn	105.753.990	46.577.960
Kinh phí công đoàn	100.729.410	45.803.448
BHYT	33.880	774.512
Đối tượng khác	4.990.700	-
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	-	213.955.091
Kinh phí công đoàn	-	94.049.142
Bảo hiểm xã hội	-	47.898.445
Bảo hiểm y tế	-	10.877.862
Bảo hiểm thất nghiệp	-	4.522.216
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	56.607.426
Công ty CP sản xuất Cửa Hoa Kỳ	962.291.073	825.694.089
Bảo hiểm xã hội	129.275.670	-
Phải trả khác	833.015.403	825.694.089
Tổng cộng	15.495.850.175	13.292.440.554
16. Vay và nợ dài hạn	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay dài hạn	3.863.209.040	107.726.418.080
Công ty CP Hồng Hà Dầu khí	3.863.209.040	107.726.418.080
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - CN Thanh Xuân (i)	3.863.209.040	7.726.418.080
Trái phiếu phát hành	-	100.000.000.000
Tổng cộng	3.863.209.040	107.726.418.080
(i) Khoản vay trung hạn Ngân hàng TMCP Quân đội theo hợp đồng vay số 247.09.003.5466. TD thời hạn vay 4 năm, lãi suất thả nổi 10,5%/năm.		
17. Doanh thu chưa thực hiện	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Doanh thu Thiết kế bản vẽ công trình	-	12.293.182
Tổng cộng	-	12.293.182

Mẫu B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2012
(tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2011	200.000.000.000	59.826.774.500	12.357.221.076	272.183.995.576
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	(5.537.132.558)	(5.537.132.558)
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
Giảm khác	-	(130.000.000)	(15.891.812.034)	(16.021.812.034)
Số dư tại ngày 31/12/2011	200.000.000.000	59.696.774.500	(9.071.723.516)	250.625.050.984
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	324.516.315	324.516.315
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(1.663.171.208)	(1.663.171.208)
Số dư tại ngày 31/12/2012	200.000.000.000	59.696.774.500	(10.410.378.409)	249.286.396.091

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	12.000.000.000	12.000.000.000
Lê Hoàng Anh	2.571.000.000	2.571.000.000
Hoàng Quốc Huy	1.879.600.000	1.879.600.000
Đoàn Thị Bích Hà	1.311.000.000	1.311.000.000
Cổ phiếu quỹ	17.860.000.000	17.860.000.000
Các cổ đông khác	164.378.400.000	164.378.400.000
Tổng cộng	200.000.000.000	200.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000
Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	7.285.600.000	14.727.856.000

d) Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: chưa công bố
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: chưa công bố

Mẫu B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2012
(tiếp theo)

đ) Cổ phiếu	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>20.000.000</i>	<i>20.000.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.786.000	1.786.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.786.000</i>	<i>1.786.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.214.000	18.214.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>18.214.000</i>	<i>18.214.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ Cổ phiếu

e) Các quỹ của công ty	01/01/2012	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2012
Quỹ đầu tư phát triển	10.703.477.736	5.417.690.000	141.440.000	15.979.727.736
Quỹ dự phòng tài chính	2.270.337.644	1.029.962.356	44.900.000	3.255.400.000
Tổng Cộng	12.973.815.380	6.447.652.356	186.340.000	19.235.127.736

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của HĐQT và được sử dụng để bổ sung vốn kinh doanh của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị (hoặc đại diện chủ sở hữu). Quỹ dự phòng tài chính được trích lập trong năm từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

19. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	793.646.579.347	674.581.665.266
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	-	36.664.772.727
Doanh thu hoạt động khác	7.298.676.978	8.069.635.139
Tổng cộng	800.945.256.325	719.316.073.132
20. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	-	22.422.920.000
Cộng	-	22.422.920.000
21. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	793.646.579.347	674.581.665.266

Mẫu B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2012
(tiếp theo)

Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	-	14.241.852.727
Doanh thu khác	7.298.676.978	8.069.635.139
Tổng cộng	800.945.256.325	696.893.153.132
22. Giá vốn hàng bán	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	736.573.998.003	641.538.139.963
Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản	-	(2.949.771.438)
Giá vốn hoạt động khác	6.486.294.422	5.274.439.538
Tổng cộng	743.060.292.425	643.862.808.063
23. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.368.589.097	6.337.439.510
Cổ tức, lợi nhuận được chia	120.000.000	1.840.924.760
Doanh thu từ chuyển nhượng vốn	6.968.220.000	-
Lãi ký quỹ	-	23.580
Doanh thu hoạt động tài chính khác	16.726.743.217	12.791.015.381
Tổng cộng	26.183.552.314	20.969.403.231
24. Chi phí tài chính	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí lãi vay	16.769.145.312	15.133.313.702
Chi phí lãi trái phiếu	9.352.777.778	17.221.388.888
Chi phí tài chính khác	-	786.500.000
Tổng cộng	26.121.923.090	33.141.202.590
25. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	899.614.710.709	887.141.891.871
Chi phí nhân công	181.427.423.895	137.212.166.535
Chi phí máy thi công	26.640.146.819	45.437.520.908
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.992.022.628	8.056.694.378
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền	73.528.418.748	101.351.045.141
Tổng cộng	1.189.202.722.799	1.179.199.318.833
26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	324.516.315	(5.537.132.558)
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
+ Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	324.516.315	(5.537.132.558)
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	18.214.000	18.863.266
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	18	(294)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2012
(tiếp theo)

27. Công cụ tài chính
Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại thuyết minh số V.12 và V.16, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại Công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	98.468.525.759	75.501.372.873
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	2.000.000.000	4.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	240.831.085.329	304.644.735.517
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	83.223.000.000	83.223.000.000
Tổng cộng	424.522.611.088	467.369.108.390
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	97.368.750.751	235.512.605.785
Phải trả người bán và phải trả khác	263.279.819.586	289.172.055.885
Chi phí phải trả	13.386.734.685	64.072.704.261
Tổng cộng	374.035.305.022	588.757.365.931

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 31/12/2012 do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua công cụ tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2012
(tiếp theo)

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không phát sinh giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty chịu rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	263.279.819.586	-	263.279.819.586
Chi phí phải trả	13.386.734.685	-	13.386.734.685
Các khoản vay	93.505.541.711	3.863.209.040	97.368.750.751

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2012
(tiếp theo)

01/01/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	289.172.055.885	-	289.172.055.885
Chi phí phải trả	64.072.704.261	-	64.072.704.261
Các khoản vay	127.786.187.705	107.726.418.080	235.512.605.785

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	98.468.525.759	-	98.468.525.759
Các khoản đầu tư tài chính	2.000.000.000	83.223.000.000	85.223.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	240.831.085.329	-	240.831.085.329

01/01/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	75.501.372.873	-	75.501.372.873
Các khoản đầu tư tài chính	4.000.000.000	83.223.000.000	87.223.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	304.644.735.517	-	304.644.735.517

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

28. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Đầu tư dài hạn bằng tài sản cố định	-	25.680.000.000
Đầu tư dài hạn bằng khoản đầu tư dài hạn	-	2.375.270.000
Chuyển nhượng khoản đầu tư dài hạn	-	6.227.000.000
Lỗ do chuyển nhượng khoản đầu tư dài hạn	-	785.000.000
Chuyển khoản vay ngắn hạn thành vốn góp	350.000.000	-

VIII. Những thông tin khác

1. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tạm ứng	302.456.490	1.868.149.838
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà số 1	29.604.000	129.564.000
Đặng Quốc Thái	-	100.000.000
Đàm Đức Khiêm	10.586.000	10.586.000
Nguyễn Mạnh Chiến	7.500.000	6.960.000
Các đối tượng khác	11.518.000	12.018.000
Công ty CP Tư Hiệp Hồng Hà Dầu khí	11.000.000	11.000.000
Trịnh Thanh Bình	6.000.000	6.000.000
Nguyễn Văn Hùng	5.000.000	5.000.000

Mẫu B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2012
(tiếp theo)

Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	-	1.486.472.838
Hoàng Minh Cường	-	160.949.342
Nguyễn Vũ Dũng	-	76.483.000
Phan Thanh Thắm	-	30.000.000
Trần Thị Tuyết Nhung	-	88.241.690
Trần Văn Hùng	-	287.162.827
Ban xây dựng	-	4.057.195
Phòng kinh doanh 1	-	281.445.488
Phòng kinh doanh 2	-	539.922.754
Các đối tượng khác	-	18.210.542
Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn	12.000.000	53.980.000
Lê An Giang	4.000.000	4.000.000
Đỗ Thị Hà	-	20.000.000
Nguyễn Thị Hồng Nhung	5.000.000	29.980.000
Nguyễn Thị Thuý Liễu	3.000.000	-
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	-	6.000.000
Công ty CP sản xuất Cửa Hoa Kỳ	249.852.490	181.133.000
Bùi Huy Long	211.353.090	122.444.000
Công trình Cầu Bươu	26.000.000	45.000.000
Hoàng Tuấn Nhiên	-	12.089.000
Nguyễn Đức Nam	-	1.600.000
Các đối tượng khác	12.499.400	-
Các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	6.318.614.680	5.524.896.294
Công ty CP Hồng Hà Dầu khí	5.041.405.735	5.127.797.014
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân	5.018.050.906	5.127.797.014
Ký quỹ bảo lãnh NHTMCP Quân đội	23.354.829	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà số 1	427.308.945	97.099.280
Ký quỹ đảm bảo thanh toán	427.308.945	97.099.280
Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn	699.900.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	150.000.000	-
Ủy ban nhân dân xã Tứ Hiệp - ký quỹ bảo dưỡng đường	150.000.000	-
Tổng cộng	6.621.071.170	7.393.046.132
2. Lợi thế thương mại	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Lợi thế thương mại phát sinh từ khoản đầu tư vào:		
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	31.675.000.000	36.200.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công	-	6.425.424.000
Công ty CP sản xuất Cửa Hoa Kỳ	-	131.418.000
Tổng cộng	31.675.000.000	42.756.842.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2012
(tiếp theo)

Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư của Công ty mẹ và phần giá trị vốn góp thực tế của Công ty mẹ trên Báo cáo tài chính của Công ty con phát sinh khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, được phân bổ đều vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong 10 năm.

3. Chi phí bán hàng	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.900.000	-
Tổng cộng	4.900.000	-
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	16.329.683.351	17.957.818.698
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	10.064.600	93.402.606
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	450.459.952	2.397.466.094
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.715.118.493	2.822.266.343
Thuế, phí và lệ phí	68.075.450	243.406.800
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.524.097.790	9.545.445.186
Chi phí bằng tiền khác	4.719.210.161	3.202.021.634
Dự phòng khoản phải thu	16.500.000.000	-
Lợi thế thương mại	4.656.418.000	5.342.780.000
Tổng cộng	53.973.127.797	41.604.607.361
5. Thu nhập khác	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	516.681.818	1.189.945.904
Thu nhập khác	128.893.280	438.374.126
Tổng cộng	645.575.098	1.628.320.030
6. Chi phí khác	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	155.491.350	991.761.811
Chi phí khác	1.950.526.172	81.888.045
Tổng cộng	2.106.017.522	1.073.649.856

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

(tiếp theo)

7. Báo cáo bộ phận

7.1 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo khu vực địa lý

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận địa lý của Công ty. Báo cáo chính yếu, bộ phận theo khu vực địa lý, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý.

Các khoản mục không được phân bổ hợp lý bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu bộ phận dựa vào vị trí địa lý của các khách hàng Việt Nam ("trong nước") hay ở các nước khác ngoài Việt Nam ("xuất khẩu").

Chỉ tiêu	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Tổng bộ phận đã báo cáo	Loại trừ	Đơn vị tính: VND
						Tổng cộng
	(1)	(2)	(3)	(4 = 1 + 2 + 3)	(5)	(6 = 4 + 5)
1. Doanh thu bán hàng	696.701.453.656	142.181.316.819	420.943.473.820	1.259.826.244.295	(458.880.987.970)	800.945.256.325
2. Giá vốn hàng bán	664.690.262.687	135.648.542.614	401.602.475.094	1.201.941.280.395	(458.880.987.970)	743.060.292.425
Lợi nhuận gộp	32.011.190.969	6.532.774.205	19.340.998.726	57.884.963.900	-	57.884.963.900

7.2 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong 3 lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính là xây lắp, chuyển nhượng bất động sản, dịch vụ cho máy móc thiết bị. Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Mẫu B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Năm 2012***(tiếp theo)***Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012**

						Đơn vị tính: VND
Chỉ tiêu	Xây lắp	Chuyển nhượng BDS	Khác	Tổng bộ phận đã báo cáo	Loại trừ	Tổng cộng
	(1)	(2)	(3)	(4 = 1 + 2 + 3)	(5)	(6 = 4 + 5)
Tài sản						
Tài sản bộ phận	870.549.618.444	6.300.000.000	140.620.695.131	1.017.470.313.575	(193.726.943.286)	823.743.370.289
Tổng tài sản hợp nhất	870.549.618.444	6.300.000.000	140.620.695.131	1.017.470.313.575	(193.726.943.286)	823.743.370.289
Nợ phải trả						
Nợ phải trả bộ phận	510.077.446.360	3.691.332.285	82.393.287.594	596.162.066.239	(84.480.811.354)	511.681.254.885
Tổng nợ phải trả hợp nhất	510.077.446.360	3.691.332.285	82.393.287.594	596.162.066.239	(84.480.811.354)	511.681.254.885

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011

						Đơn vị tính: VND
Chỉ tiêu	Xây lắp	Chuyển nhượng BDS	Khác	Tổng bộ phận đã báo cáo	Loại trừ	Tổng cộng
	(1)	(2)	(3)	(4 = 1 + 2 + 3)	(5)	(6 = 4 + 5)
Tài sản						
Tài sản bộ phận	836.161.569.299	300.000.000	141.649.769.404	978.111.338.703	-	978.111.338.703
Tổng tài sản hợp nhất	836.161.569.299	300.000.000	141.649.769.404	978.111.338.703	-	978.111.338.703
Nợ phải trả						
Nợ phải trả bộ phận	588.454.393.266	211.127.041	99.686.988.940	688.352.509.247	(771.160.704)	687.581.348.543
Tổng nợ phải trả hợp nhất	588.454.393.266	211.127.041	99.686.988.940	688.352.509.247	(771.160.704)	687.581.348.543

Mẫu B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

(tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính 2012

Chỉ tiêu	Xây lắp	Chuyển nhượng BDS	Khác	Tổng bộ phận đã báo cáo	Loại trừ	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
	(1)	(2)	(3)	(4 = 1 + 2 + 3)	(5)	(6 = 4 + 5)
Doanh thu thuần	1.245.251.163.244	-	14.575.081.051	1.259.826.244.295	(458.880.987.970)	800.945.256.325
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	27.414.747.314	27.414.747.314	(1.231.195.000)	26.183.552.314
Chi phí sản xuất kinh doanh	1.268.427.406.193	-	14.392.020.089	1.282.819.426.282	(459.659.182.970)	823.160.243.312
- Giá vốn hàng bán	1.188.178.581.900	-	13.762.698.495	1.201.941.280.395	(458.880.987.970)	743.060.292.425
- Chi phí tài chính	26.900.118.090	-		26.900.118.090	(778.195.000)	26.121.923.090
- Chi phí bán hàng	-	-	4.900.000	4.900.000	-	4.900.000
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	53.348.706.203	-	624.421.594	53.973.127.797	-	53.973.127.797
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(23.176.242.949)	-	27.597.808.276	4.421.565.327	(453.000.000)	3.968.565.327
Lỗ trong công ty liên kết	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận khác	-	-	(1.460.442.424)	(1.460.442.424)	-	(1.460.442.424)
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	(23.176.242.949)	-	26.137.365.852	2.961.122.903	(453.000.000)	2.508.122.903

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính 2011

Chỉ tiêu	Xây lắp	Chuyển nhượng BDS	Khác	Tổng bộ phận đã báo cáo	Loại trừ	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
	(1)	(2)	(3)	(4 = 1 + 2 + 3)	(5)	(6 = 4 + 5)
Doanh thu thuần	991.611.570.727	(22.422.920.000)	31.702.189.336	1.000.890.840.063	(303.997.686.931)	696.893.153.132
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	22.614.441.231	22.614.441.231	(1.645.038.000)	20.969.403.231
Chi phí sản xuất kinh doanh	996.536.564.511	(2.949.771.438)	30.255.549.872	1.023.842.342.945	(305.233.724.931)	718.608.618.014
- Giá vốn hàng bán	921.953.272.697	(2.949.771.438)	28.906.993.735	947.910.494.994	(304.047.686.931)	643.862.808.063
- Chi phí tài chính	34.327.240.590	-	-	34.327.240.590	(1.186.038.000)	33.141.202.590
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	40.256.051.224	-	1.348.556.137	41.604.607.361	-	41.604.607.361
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(4.924.993.784)	(19.473.148.562)	24.061.080.695	(337.061.651)	(409.000.000)	(746.061.651)
Lỗ trong công ty liên kết	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận khác	-	-	6.506.048.412	6.506.048.412	(5.951.378.238)	554.670.174
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	(4.924.993.784)	(19.473.148.562)	30.567.129.107	6.168.986.761	(6.360.378.238)	(191.391.477)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2012
(tiếp theo)

8. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2011 của Công ty CP Hồng Hà Dầu khí đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ
Tổng Giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hải Yến

Lê Hoài Thu

Lê Hoàng Anh